

Bản án số: 181/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21/11/2025

V/v Ly hôn giữa ông T, bà Q

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- A BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đề;

Ông Nguyễn Văn Hóa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh A Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- A Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 76/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 166/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 5 Hải A, xã Hải K, tỉnh A Bình. Vắng mặt;

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm 5 Hải A, xã Hải K, tỉnh A Bình. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm 8 Hải A, xã Hải K, tỉnh A Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 18 tháng 09 năm 2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án ông Phan Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Q ngày 10/10/1993 tại UBND xã Hải A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, nay là xã Hải K, tỉnh A Bình trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của ông ở xã Hải A. Đến năm 2007, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vợ chồng cùng vào tỉnh Đắk Nông làm kinh tế, đến tháng 4/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do, bà Q có hành vi không chung thủy. Khi phát hiện sự việc, do thiếu hiểu biết pháp luật, không báo chính quyền địa phương, ông

tự ý bắt giữ bà Q và người đàn ông đi cùng nên ông đã bị xử lý bằng pháp luật hình sự thời hạn 4 năm tù, đến tháng 10/2024 ông mới chấp hành xong. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông đề nghị Tòa án cho ông được ly hôn với bà Quên.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị Q có 02 con chung là chị Phan Thị Thủy, sinh ngày 16/08/1996 và anh Phan Văn Nam, sinh ngày 10/12/1999. Hiện nay, các con chung đều đã trưởng thành lao động tự lập được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Ông T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Q. Bà Q đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật nhưng đến nay, bà Q vắng mặt và không gửi văn bản cho Tòa án về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Phan Văn T.*

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/10/2025 người làm chứng bà Đỗ Thị L trình bày: Bà là em dâu của bà Nguyễn Thị Q vì chồng bà là em trai của bà Q. Hiện bà Q đang đi làm kinh tế tại huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông cũ nay là tỉnh Lâm Đồng. Sau khi nhận được thông báo về việc ông T có đơn xin ly hôn bà Q. Do điều kiện đường xa đi lại khó khăn nên bà Q có gửi căn cước công dân của bà Quyền về qua nhà xe Quang Phồn xã Hải Tiến nhờ bà đến Tòa án để nhận thay giấy tờ cho bà Q. Sau khi chị nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án giao, bà đã chụp gửi qua Zalo cho bà Q, đồng thời bà còn gửi qua xe khách cho bà Quên nhận, quan điểm của bà Q, nhất trí ly hôn với ông Phan Văn T.*

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11- A Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt không có lý do nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phan Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Người làm chứng bà Đỗ Thị L có ý kiến xin được vắng mặt. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T, bà Q và bà L là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (nay là xã Hải K, tỉnh Ninh Bình) đăng ký kết hôn ngày 10/10/1993. Đến năm 2020 ông T, bà Q phát sinh mâu thuẫn nên từ năm 2020 đến nay ông T, bà Q đã ly thân. Nay ông T yêu cầu xin được ly hôn, nhưng bà Q không có ý kiến.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Phan Văn T thì thấy: Trong cuộc sống vợ chồng do bà Q có hành vi không chung thủy nên phát sinh mâu thuẫn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T, bà Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của ông T, bà Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông Phan Văn T trình bày, ông và bà Q có 02 con chung, do các con chung đã thành niên lao động tự lập được nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, và nghĩa vụ trả nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, ông T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Q không tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến về tài sản chung cũng như về nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng nên không có căn cứ xem xét giải quyết. Nếu sau này bà Q có yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản trong thời kỳ hôn nhân với ông Phan Văn T thì sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Ông Phan Văn T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Q.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Phan Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001102 ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh A Bình. Ông T đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 11 + Tỉnh;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- THA dân sự tỉnh;
- UBND xã Hải K;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;

Nguyễn Văn Đình